TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HS-ST
Ngày: 28/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Hồng Thái
Ông Trương Khánh Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 151/2021/TLST-HS ngày 01/12/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST - HS, ngày 14/12/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn C. Sinh ngày 22 tháng 6 năm 1977.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Chi Mai, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: TDP S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ văn hoá: 09/12.

Bố: Phạm Văn T, sinh năm 1951.

Mẹ: Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1954.

Vợ: Dương Thị T1, sinh năm 1977.

Hiện cùng trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Con: Có 02 con chung. Lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011.

Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 20, ngày 19/6/1998 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt Phạm Văn C 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản công dân (Bản án đã được xóa án tích).

+ Bản án số 39/2008/HSST, ngày 22/01/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt C 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bản án đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ.

. Bị hại:

Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, khu T, phường H, TP. H, tỉnh Quang Ninh.

. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Phùng Thị H, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm R, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

*. ***Người làm chứng:***

Anh Lê Thành T2, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu T, phường H, TP. H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn C là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, trong thời gian thuê trọ tại xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, C quen biết với anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1992, trú tại tổ 3, khu T, phường H, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh (tạm trú tại xóm B, xã B, huyện Đ). C giới thiệu với anh Đ, C là công an mật, có nhiều mối quan hệ, quen biết nhiều người và có khả năng xin được việc làm, anh Đ không biết C nói dối và tin tưởng C nói là thật. Khoảng tháng 4 năm 2021, do có nhu cầu xin việc cho em họ là Lê Thành T2, sinh năm 1997 (trú tại tổ 2, khu T, phường H, TP. H, tỉnh Quảng Ninh) xin vào làm việc tại công ty may T huyện Đ, nên Đ đã liên lạc để nhờ C xin cho T2 vào làm việc tại công ty may huyện Đ. Khi biết anh Đ có nhu cầu xin việc, C đã nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Đ. Mặc dù C không có khả năng xin việc cho T nhưng C nói với anh Đ rằng mình có khả năng xin cho T2 vào làm công nhân trong công ty may T chi nhánh Đ và phải "chạy" xin việc hết số tiền 30 triệu đồng, tin tưởng C nói thật anh Đ đồng ý. Ngày 15/4/2021, anh Đ đưa cho C bộ hồ sơ xin việc của T2 và số tiền 30 triệu đồng, sau khi nhận được tiền, C không xin việc cho T2 như hứa hẹn mà C đã tiêu sài cá nhân hết. Đến cuối tháng 4/2021 (không nhớ ngày cụ thể), do cần tiền tiêu sài, C tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đ. C điện thoại cho anh Đ đưa ra thông tin

nếu muốn chạy cho T2 chức phó phòng nhân sự của công ty may T thì phải đưa thêm số tiền 15 triệu đồng, tin tưởng C nói thật nên anh Đ đồng ý và đưa cho C số tiền 15 triệu đồng. Sau khi nhận tổng số 45 triệu đồng nhưng không lo việc cho T2, thấy anh Đ hối thúc nhiều lần, C đã tìm trên mạng internet lấy mẫu quyết định tuyển dụng của công ty may T, rồi C ghi các thông tin của T2 vào mẫu quyết định, sau đó C cắt mẫu dấu của UBND xã B từ một văn bản của UBND xã B mà C có từ trước, dán vào mẫu quyết định rồi chụp ảnh gửi cho anh Đ xem để anh Đ tin tưởng. Đến khoảng cuối tháng 6/2021 (không nhớ ngày cụ thể), C tiếp tục đưa ra thông tin do có nhiều người tranh giành vị trí phó phòng nhân sự nên phải "chạy" thêm 15 triệu đồng, tin tưởng C nói thật nên anh Đ đồng ý và đưa tiền cho C. Sau khi nhận được tiền C không xin việc cho T2 mà đã tiêu sài cá nhân hết, còn 02 bộ hồ sơ xin việc của Lê Thành T2, C cất ở phòng trọ của mình. Sau khi chuyển tiền lo "chạy" việc nhưng T2 không được đi làm, xem lại quyết định C gửi cho anh Đ, biết bị C lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh Đ đã nhiều lần đến gặp C để đòi lại tiền, C viết giấy vay tiền của anh Đ và hẹn ngày trả tiền cho anh Đ nhưng đến ngày hẹn C không trả lại cho anh Đ như đúng hẹn. Ngày 16/08/2021, anh Đ đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của C, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra xác minh, hồi 16 giờ 15 phút, ngày 16/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp người, nơi ở, đồ vật đối với C, kết quả thu giữ: 02 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Thành T2. Ngày 17/8/2021, C tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 02 dây thắt lưng; 01 đôi tất; 01 đôi giày ngành công an nhân dân.

Tại cơ quan điều tra Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nêu trên, lời khai của C phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo; lời khai bị hại; lời khai người làm chứng; vật chứng thu giữ.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 02 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Thành T2, niêm phong bì kí hiệu A1, A2.

+ 01 phong bì kí hiệu U, bên trong có 01 USB (do anh Đ giao nộp);

+ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo 2019 màu xanh;

+ 02 dây thắt lưng; 01 đôi tất; 01 đôi giày ngành công an (thu giữ của C)

Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình C đã gửi tiền cho chị Phùng Thị H, sinh năm 1980, trú tại xóm R, xã B, huyện Đ (chung sống như vợ chồng với C) bồi thường cho anh Đ số tiền 60 triệu đồng, anh Đ không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 149/CT-VKSĐT ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân huyện Đại Từ đã truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015. Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo C mức án từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 17/8/2021. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về dân sự: Bị hại anh Phạm Ngọc Đ đã nhận bồi thường số tiền 60 triệu đồng, anh Đ không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

Vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Thành T2, niêm phong trong phong bì kí hiệu A1, A2; 02 dây thắt lưng; 01 đôi tất; 01 đôi giày ngành công an.

Trích chuyển và lưu vào hồ sơ vụ án: 01 UBS chứa dữ liệu âm thanh cuộc nói chuyện giữa C và Đ (trong 01 phong bì kí hiệu U).

Tịch thu sung quỹ: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo 2019 màu xanh của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo C khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2021, mặc dù không có khả năng xin việc làm nhưng Phạm Văn C đã đưa ra thông tin gian dối đối với anh Phạm Ngọc Đ rằng C là công an, có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin việc làm cho em họ của anh Đ. Tin tưởng lời nói của C là thật nên anh Đ đã đưa cho C 03 lần tiền với tổng số tiền là 60 triệu đồng (lần thứ nhất 30 triệu đồng; lần thứ hai 15 triệu đồng; lần thứ ba 15 triệu đồng) để C xin cho em họ của anh Đ là Lê Thành T2, vào làm việc tại công ty may T chi nhánh Đ. Sau khi nhận tiền của anh Đ, C không xin việc làm mà chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015.

Điều 174 của BLHS quy định:

Nội dung điều luật quy định như sau:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này là tài sản của anh Phạm Ngọc Đ, hành vi đó còn gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ đó là "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" và "Thành khẩn khai báo" quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu đã 02 lần bị Toà án xét xử, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn lao vào con đường phạm tội bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm lấy tiền tiêu sài cá nhân để thoả mãn nhu cầu của bản thân, đây là tình tiết cần xem xét khi lượng hình.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tình chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần phạt bị cáo mức án 30 đến 36 tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có công ăn việc làm nên không cần thiết áp dụng đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Anh Phạm Ngọc Đ đã nhận tiền bồi thường số tiền 60 triệu đồng, anh Đ không có yêu cầu đề nghị gì. Chị Phùng Thị H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng không yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Thành T2, niêm phong trong phong bì kí hiệu A1, A2; 02 dây thắt lưng; 01 đôi tất; 01 đôi giày ngành công an.

- Trích chuyển và lưu vào hồ sơ vụ án: 01 UBS chứa dữ liệu âm thanh cuộc nói chuyện giữa C và Đ (trong 01 phong bì kí hiệu U).

- Tịch thu sung quỹ: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo 2019 màu xanh của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Về hành vi làm giả quyết định tuyển dụng của công ty may T đối với Lê Thành T2, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ được giấy tờ gì, ngoài lời khai của C thì không còn tài liệu nào khác chứng minh nên không đủ căn cứ xác minh xử lý đối với Phạm Văn C về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 BLHS năm 2015. Điều 106; Điều 136 và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 17/8/2021.

Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo C.

Quyết định tạm giam bị cáo C 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét

Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Thành T2, niêm phong trong phong bì kí hiệu A1,A2; 02 dây thắt lưng; 01 đôi tất; 01 đôi giày ngành công an.

- Trích chuyển và lưu vào hồ sơ vụ án: 01 UBS chứa dữ liệu âm thanh cuộc nói chuyện giữa C và Đ (trong 01 phong bì kí hiệu U).

- Tịch thu sung quỹ: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo 2019 màu xanh của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số 146/QĐ-VKSĐT ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ).

Về án phí: Buộc bị cáo C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND huyện Đại Từ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS Đại Từ (1b);
- Thi hành án hình sự (2b);
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ (1b);
- Thông báo UBND xã T;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng